

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 18/TTr-TNMT ngày 16/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang, địa chỉ trụ sở chính tại Lô P(P3), khu công nghiệp Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản” tại Lô P(P3), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản.

1.2 Chủ cơ sở: Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô P(P3), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0101044677-002 đăng ký lần đầu ngày 26/6/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/5/2021 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số mã số dự án 9805607025, chứng nhận lần đầu ngày 26/6/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 10/12/2021 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp.

1.5. Mã số thuế: 0101044677-002.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Lô P (P3), Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 35.071 m².

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản công suất 240.000 tấn/năm.

+ Thị trường tiêu thụ trong nước, xuất khẩu.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản” tại Lô P (P3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (*nếu có*) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi thủy sản” tại lô P(P3), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1287/QĐ-TNMT ngày 14/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên, UBND xã Quang Châu; Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang; Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN.Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm của cơ sở để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu do Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (Theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 03/HĐXLNT-QC ngày 25/09/2013 giữa Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang và Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang), cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Chủ cơ sở đã xây dựng 2 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 16,125m³ (trong đó 01 bể tự hoại khu vực nhà văn phòng có thể tích 6,75 m³ và 01 bể tự hoại khu vực nhà xưởng sản xuất có thể tích 9,375 m³) để xử lý sơ bộ nước thải. Nước thải sau đó sẽ theo đường ống nhựa uPVC D200 dài khoảng 27m đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải nhà bếp: Chủ cơ sở đã xây dựng bể tách dầu mỡ thể tích 4m³ (2mx2mx1m) để xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp. Nước thải nhà bếp sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ sẽ theo đường ống nhựa PVC D200 dài khoảng 15m đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất 10 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm được đưa về hố ga của nhà máy, sau đó theo đường ống PVC D300, chiều dài 25m đầu nối ra hố ga G48 của hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quang Châu qua 01 điểm đầu nối.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ) → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Khử trùng đường ống → Hệ thống thoát nước thải của cơ sở → Hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên (*Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên*).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Clorine dạng viên nén. Khối lượng sử dụng khoảng 3,0 kg/tháng.

+ Dinh dưỡng mật rỉ đường. Khối lượng sử dụng khoảng 45kg/tháng.

+ Chế phẩm Emic. Khối lượng sử dụng khoảng 6kg/lần/3 tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

+ Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc của trạm xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

+ Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

+ Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

+ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

+ Dừng hoạt động trạm xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị quản lý khu công nghiệp Quang Châu khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên (không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của trạm xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của trạm xử lý, Chủ cơ sở thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

+ Nước thải qua trạm xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

++ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

++ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

++ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ cơ sở liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng trạm xử lý để khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm từ tháng 01/2024 đến tháng 02/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm (nước thải đầu vào và đầu ra).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTN MT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5-9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	150	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
5	Tổng nitơ	mg/l	40	
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6	

7	Sunfua	mg/l	0,5	08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
8	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	
10	Coliform	Vi khuẩn/10 0ml	5000	

2.3 Tần suất lấy mẫu

ST T	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại bể gom	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), COD, Chất rắn lơ lửng, Amoni (Tính theo N), Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Sunfua, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong vòng 01 ngày. Thời gian cụ thể như sau: Ngày 27/02/2024	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B
2	01 vị trí sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt		Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 27/02/2024 Lần 2: Ngày 28/02/2024 Lần 3: Ngày 29/02/2024	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- 01 nguồn khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của lò hơi.
- 01 nguồn khí thải phát sinh từ quá trình hấp sấy của phòng ép viên.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi.
- Dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của phòng ép viên.

2.1. Vị trí xả khí thải: (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0)

+ Vị trí 1: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2347490; Y = 407921.

+ Vị trí 2: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của phòng ép viên. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2347535; Y = 407964

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 99.000 m³/giờ, tương đương 792.000 m³/ngày (tính cho 8 giờ). Trong đó:

+ Hệ thống xử lý khí thải của lò hơi: 25.000 m³/giờ, tương đương 200.000 m³/giờ (Thời gian hoạt động 8 tiếng/ngày).

+ Hệ thống xử lý khí thải của phòng ép viên: 74.000 m³/giờ, tương đương 592.000 m³/giờ (Thời gian hoạt động 8 tiếng/ngày)

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục, trong thời gian làm việc của Công ty.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT	
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/ lần
2	Nhiệt độ	°C	-	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT	
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500	
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000	
6	Nitơ oxit, NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	
7	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	
8	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Hệ thống xử lý khí thải của lò hơi: Khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom bằng đường ống dẫn khí D450 dài khoảng 1,0m dưới tác dụng của quạt hút công suất 25.000 m³/giờ đưa về hệ thống xử lý khí thải công suất thiết kế: 25.000m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải của phòng ép viên:

+ Tại khu vực hấp bán thành phẩm bố trí 02 chụp hút kích thước 1,8mx1,6mx1,6m dưới tác dụng của 02 quạt hút với công suất 20.000 m³/giờ/quạt, khí thải được hút ra ngoài nhà xưởng qua 02 đường ống dẫn khí Φ200 với tổng chiều dài khoảng 52m.

+ Tại khu vực sấy bán thành phẩm bố trí 02 chụp hút kích thước 1,8mx1,6mx1,6m dưới tác dụng của 02 quạt hút với công suất 17.000 m³/giờ/quạt, khí thải được hút ra ngoài nhà xưởng qua 02 đường ống dẫn khí Φ200 với tổng chiều dài khoảng 46m.

Khí thải từ 04 ống dẫn khí Φ200 sau đó đầu nối vào 1 đường ống thu gom khí thải chính Φ600 dài khoảng 14m. Khí thải sau đó được đưa về hệ thống xử lý khí thải công suất 74.000 m³/giờ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Hệ thống xử lý khí thải của lò hơi: Khí thải → Tháp giảm nhiệt → Thiết bị lọc bụi Cyclone → Quạt hút → Bể nước hấp thụ → Ống thoát khí thải (đường

kính D500, chiều cao 13,75m bằng vật liệu tôn thép dày 2mm). Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

+ Hệ thống xử lý khí thải của phòng ép viên: Khí thải → Quạt hút → Tấm lọc bụi → Thiết bị xử lý UV → Thiết bị hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí thải (đường kính D700, chiều cao 10m bằng vật liệu tôn thép dày 4mm). Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý khí thải của lò hơi: 25.000 m³/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải của phòng ép viên: 74.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút...trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

1.4.2. Biện pháp ứng phó

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, dừng hoạt động khi cần thiết và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố đã được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

- Cơ sở đã xây dựng, lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi có công suất 25.000 m³/giờ. Công trình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại giấy xác nhận số 2154/GXN-TNMT ngày 19/12/2014. Chủ cơ sở không đề xuất vận hành thử nghiệm với 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi có công suất 25.000 m³/giờ.

- Công ty đề xuất vận hành thử nghiệm đối với công trình hệ thống xử lý khí thải của phòng ép viên công suất 74.000 m³/giờ. Cụ thể:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/5/2024 đến ngày 30/5/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải từ của phòng ép viên công suất 74.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý khí thải của phòng ép viên.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải của phòng ép viên	Lưu lượng, nhiệt độ, Bụi tổng, H ₂ S, NH ₃	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong vòng 03 ngày liên tục. Thời gian cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 27/5/2024 Lần 2: Ngày 28/5/2024 Lần 3: Ngày 29/5/2024	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

01 nguồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất tại khu vực sản xuất của cơ sở.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- 01 vị trí tại khu vực xưởng sản xuất.

- Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0): X = 2347546; Y = 407663.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

+ Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi

trường có tiếng ồn lớn.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 895 kg/năm tương đương 74,58 kg/tháng, gồm:

STT	Tên	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH
1	Găng tay, giẻ lau, chất hấp thụ, vật liệu lọc nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	52	18 02 01
2	Hộp mực in hỏng	Rắn	14	08 02 04
3	Dầu mỡ thải	Lỏng	29	17 02 03
4	Bao bì thải cứng bằng kim loại	Rắn	100	18 01 02
5	Bao bì thải cứng bằng nhựa	Rắn	686	18 01 03
6	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	14	16 01 06
Tổng			895 kg/năm	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 26,2 tấn/năm tương đương khoảng 2,18 tấn/tháng, gồm:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Tro	Tấn/năm	21
2	Bao dứa	Tấn/năm	1,5
3	Bao bì nilon	Tấn/năm	1,2
4	Palet cũ hỏng	Tấn/năm	2,5
Tổng		Tấn/năm	26,2

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải từ sinh hoạt của

công nhân viên phát sinh khoảng 56 kg/ngày tương đương 17.472 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng để chứa chất thải nguy hại (CTNH) dạng rắn và 02 thùng phuy có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại chất thải nguy hại dạng lỏng, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho chứa: 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: có biển cảnh báo CTNH, nền bê tông, có mái che, thiết kế hệ thống thông gió, bố trí cát chống tràn đổ hóa chất.
- Chủ cơ sở định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển đi xử lý với tần suất 6 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các bao tải, thùng chứa dung tích 200lít/thùng có nắp đậy kín trong nhà kho để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa: 30 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: kho chứa nằm trong nhà xưởng có nền đổ bê tông, tường quay tấm Panel, có cửa khoá kín.
- Chủ cơ sở định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển đi xử lý với tần suất 2 lần/tháng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 2 thùng bằng nhựa có nắp đậy chứa dung tích 50 lít/thùng đặt tại khu vực nhà ăn; 10 thùng bằng nhựa có nắp đậy chứa dung tích 12 lít/thùng để chứa chất thải sinh hoạt đặt tại vị trí nhà xưởng, nhà văn phòng và 02 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng đặt tại khu vực kho chứa chất thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có nền đổ bê tông, tường xây gạch chỉ đặt trát vữa xi măng, cao 4,8m, mái lợp tôn.
- Chủ cơ sở định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển đi xử lý với tần suất 1 tuần/lần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Chỉ tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Công ty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh Bắc Giang có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày.đêm tại cơ sở để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 18/TTr-TNMT ngày 16/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.